

Bản án số: 400/2023/DS-ST

Ngày: 28-9-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

2. Bà Lâm Thu Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Tú – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 285/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng N

Trụ sở: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1983 (Giấy ủy quyền số 571/NHNoCN7-TH ngày 01/12/2022 của Ngân hàng N).

Địa chỉ: Số 40/2 đường N, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số 2697 đường P, tổ 18, khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Trần Quốc H vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện 29/6/2022 của nguyên đơn Ngân hàng N và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Quốc H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/04/2020, bà Nguyễn Thị L có ký Hợp đồng tín dụng số 6170-LAV-202000154/HĐTD với Ngân hàng N để vay số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, với mục đích vay nuôi tôm; thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng N áp dụng tại từng thời điểm. Ngân hàng N sẽ tự điều chỉnh lãi suất cho vay và gửi thông báo đến bên vay, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận, lãi suất chậm trả: 10%/năm (theo Điều 2 HĐTD). Phương thức thanh toán: Trả gốc cuối kỳ vào ngày 09/4/2021; trả lãi làm 3 kỳ, mỗi kỳ 4 tháng, kỳ 1 vào ngày 09/8/2020, kỳ 2 vào ngày 09/12/2020 và kỳ 3 vào ngày 09/4/2021 (theo Điều 5 HĐTD),

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngân hàng N đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị L nhận đủ số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng vào ngày 09/04/2020 theo Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 09/4/2020 (kèm theo HĐTD số 6107-LAV-202000154 ngày 07/4/2020).

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất diện tích 250m²; thuộc thửa đất số 38; tờ bản đồ số 51; tọa lạc tại ấp D, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CL671926 và CL671927, sổ vào sổ cấp GCN: CS01088 do sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/07/2018 và cập nhật thay đổi do chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L ngày 26/12/2018). Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6170-LCL-202000099/HĐTC lập ngày 07/04/2020 tại Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh; số công chứng 001117, quyển số 05TP/ CC-SCC/HĐGD. Đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C ngày 09/04/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ. Ngân hàng N đã nhiều lần gửi Thông báo nợ đến hạn; nhiều lần lập biên bản làm việc với bà L để đôn đốc bà L thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng không kết quả. Ngày 18/08/2020 và ngày 18/12/2020 bà Nguyễn Thị L ký Giấy đề nghị Ngân hàng N cơ cấu lại thời hạn trả nợ kèm phương án trả nợ. Ngày 08/7/2021, Ngân hàng N đồng ý cho bà L gia hạn nợ gốc và lãi của khoản vay (theo Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 08/7/2021) theo đó thời hạn tất toán hợp đồng tín dụng được xác định vào ngày 09/04/2022; kỳ hạn trả lãi: 06 tháng/kỳ. Tuy nhiên, sau khi gia hạn kỳ hạn trả nợ bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Do bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các phụ lục Hợp đồng như đã nêu trên, nên Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả ngay cho Ngân hàng N toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 28/9/2023 là 2.649.786.302 đồng (trong đó nợ gốc 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn 515.484.932 đồng; lãi quá hạn 134.301.370 đồng). Ngoài ra, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày bà L trả xong nợ gốc cho Ngân hàng N, theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Phụ lục Hợp đồng đã ký nêu trên. Trường hợp bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị L thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà L không có mặt theo giấy triệu tập, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị L thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2), nhưng bà L vẫn không có mặt, nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Trần Quốc H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ nợ gốc và nợ lãi, tính đến ngày 28/9/2023 là 2.649.786.302 đồng (trong đó nợ gốc 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn 515.484.932 đồng; lãi quá hạn 134.301.370 đồng). Trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn, tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày bà L trả xong nợ gốc cho Ngân hàng N, theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Phụ lục Hợp đồng đã ký nêu trên. Trường hợp bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa (lần 2) nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, giao nhận thông báo thụ lý vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85 và Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: LAV-2020000154/HĐTD ngày 07/04/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 09/4/2020 (kèm theo HĐTD số 6107-LAV-202000154 ngày 07/4/2020). Xét đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng, bị đơn cư trú tại Quận 7. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 08/9/2023 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền còn nợ, tính đến ngày 28/9/2023 là 2.649.786.302 đồng (trong đó nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 515.484.932 đồng; lãi quá hạn: 134.301.370 đồng). Trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn, theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng

và Phụ lục Hợp đồng đã ký nêu trên, tính từ ngày 29/9/2023 đến ngày bà L trả xong nợ gốc cho Ngân hàng N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: LAV-2020000154/HĐTD ngày 07/04/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 09/4/2020 (kèm theo HĐTD số 6107-LAV-202000154 ngày 07/4/2020) đã có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị L có vay của Ngân hàng N tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng với mục đích vay nuôi tôm.

[3.2] Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng, các bên đã thỏa thuận về lãi suất cho vay, lãi chậm trả lãi, phí phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; phù hợp quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[3.3] Căn cứ Bảng tính chi tiết lãi khách hàng Nguyễn Thị L (Hợp đồng tín dụng số: LAV-2020000154/HĐTD ngày 07/04/2020) của Ngân hàng N xác định tính đến hết ngày 28/9/2023 bà Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là 2.649.786.302 đồng (trong đó nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 515.484.932 đồng; lãi quá hạn: 134.301.370 đồng).

Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị L có vay và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay, tiền lãi hàng tháng mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ như đã nêu trên, nên yêu cầu của Ngân hàng N về việc buộc bà Nguyễn Thị L phải trả một lần toàn bộ tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng N ngay khi bản án có hiệu lực là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6170-LCL-202000099/HĐTC lập ngày 07/04/2020 thì yêu cầu của Ngân hàng N về xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự 2015, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng N được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 84.995.726 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 5.000.000 đồng. Do Ngân hàng N đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nên bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng N theo quy định tại Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 299, Điều 323, Điều 463 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ nợ gốc và nợ lãi, tạm tính đến ngày 28/9/2023 là 2.649.786.302 (hai tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm lẻ hai) đồng (trong đó nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 515.484.932 đồng; lãi quá hạn: 134.301.370 đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 29/9/2023, bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: LAV-2020000154/HĐTD ngày 07/04/2020 và Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 09/4/2020 (kèm theo HĐTD số 6107-LAV-202000154 ngày 07/4/2020) cho đến khi trả xong khoản nợ gốc này.

1.2. Ngay khi bà Nguyễn Thị L trả dứt nợ thì Ngân hàng N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L bản chính các giấy tờ về tài sản bảo đảm (kèm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6170-LCL-202000099/HĐTC lập ngày 07/04/2020).

1.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 38; tờ bản đồ số 51; tọa lạc tại ấp D, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CL671926 và CL671927, sổ vào sổ cấp GCN: CS01088 do sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/07/2018 và cập nhật thay đổi do chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L ngày 26/12/2018). Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6170-LCL-202000099/HĐTC lập ngày 07/04/2020 tại Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh; số công chứng 001117, quyền số 05TP/ CC-SCC/HĐGD. Đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện

C ngày 09/04/2020, theo quy định của Luật Thi hành án dân sự để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

1.4. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị L để thanh toán các khoản nợ mà bà L phải trả cho Ngân hàng N, phần còn dư sẽ được trả lại cho bà Nguyễn Thị L.

1.5. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị L vẫn không đủ để trả nợ cho Ngân hàng N thì bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng N đến khi trả xong nợ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 84.995.726 đồng (tám mươi bốn triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn bảy trăm hai mươi sáu) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.693.697 (ba mươi chín triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm chín mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014992 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị L chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Do Ngân hàng N đã nộp 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo phiếu thu số 64 ngày 24/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, nên bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng N.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP. (TK Hà Trang)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA